

# Tường Trình Trách Nhiệm Nhà Trường trong Niên Khóa 2005-06

để báo cáo cho công chúng biết trong niên khóa 2006-07

Pháp luật quy định rằng bản Tường Trình Trách Nhiệm Nhà Trường (School Accountability Report Card, tiếng Anh gọi tắt là SARC) phải được công bố hằng năm, ghi rõ tình trạng hoạt động của mỗi trường công lập trong tiểu bang California. Bộ Giáo Dục Tiểu Bang California đăng rõ những quy định về Phiếu Tường Trình này trên trang web <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>. Muốn biết thêm thông tin về nhà trường, phụ huynh và các thành viên cộng đồng nên liên lạc với hiệu trưởng hay văn phòng học khu. Trang web <http://data1.cde.ca.gov/dataquest/> cũng có những thông tin về trường này và so sánh nhà trường với học khu, hạt, và tiểu bang.

## I. Thông tin tổng quát

### Địa chỉ liên lạc

Phần này gồm những thông tin liên lạc với nhà trường.

Trường		Học khu	
Tên trường	Evergreen Valley High School	Tên học khu	East Side Union High
Hiệu trưởng	Cari Vaeth	Tổng giám đốc	Bob Nuñez
Đường	3300 Quimby Rd.	Đường	830 N. Capitol Ave.
Thành phố, Tiểu bang, Zip Code	San Jose, CA 95148	Thành phố, Tiểu bang, Zip Code	San Jose, CA 95133
Số Điện Thoại	408-347-7000	Số Điện Thoại	408-347-5000
Số FAX	408-347-7015	Số FAX	408-347-5045
Trang Web	<a href="http://ev.esuhd.org">http://ev.esuhd.org</a>	Trang Web	<a href="http://www.esuhd.org">http://www.esuhd.org</a>
Địa chỉ E-mail	vaethc@esuhd.org	Địa chỉ E-mail	nuñezb@esuhd.org

### Mô tả trường sở và phương châm hoạt động

Sau đây là thông tin về các mục tiêu và những chương trình của trường.

#### Phương Hướng Hoạt Động

Phương hướng của chúng tôi là liên tục xúc tiến tình trạng học tập trong môi trường tin tưởng lẫn nhau và quyết tâm đạt thành tích xuất sắc.

#### Phương Châm Hoạt Động

- ◆ Nhà trường phải đạt thành tích học tập xuất sắc bằng cách phát triển trí tò mò học hỏi, tinh thần trách nhiệm bản thân và lòng hăng say học tập suốt đời của mỗi học sinh.
- ◆ Nhà trường giữ vững truyền thống cùng nhau giữ gìn kỷ luật.
- ◆ Nhà trường tạo một môi trường giáo dục với nhiều sự giúp đỡ và dịch vụ sinh động, quyết tâm, và bảo đảm sâu sắc rằng mọi học sinh phải thành công trên đường học tập.
- ◆ Nhà trường phấn đấu sao cho thái độ cầu học của mọi học sinh lúc nào cũng sáng chói trong nỗ lực học tập của các em.
- ◆ Nhà trường hỗ trợ những nhóm hợp tác học tập bao gồm các học sinh, gia đình, giáo sư, ban quản trị, và những thành viên cộng đồng.
- ◆ Nhà trường áp dụng những phương pháp sư phạm và kỹ thuật tối hảo của thế kỷ 21.
- ◆ Nhà trường nhận trách nhiệm giữ gìn và tôn vinh mọi phẩm chất và truyền thống của Trường Trung Học Evergreen Valley chúng ta.

## Sơ Lược về Trường Trung Học Evergreen Valley

Ở vùng đồi tây Thung Lũng Santa Clara, Trường Trung Học Công Lập Phổ Thông Evergreen Valley có 2,124 học sinh kể từ lớp chín đến lớp mười hai. Trong số này, 43.5% các em là người Á châu --kể cả những em đến từ vùng tiểu lục địa Ấn Độ, 22.5% em là người Mỹ, 15.8% là người da trắng, 12.1% là người Phi-líp-pin, 4.7% là người Mỹ da đen, 1.2% là người các đảo Thái Bình Dương, và 0.1% là thổ dân Mỹ. Ngoài ra, 8.5% sĩ số học sinh là các em có trình độ tiếng Anh giới hạn -Limited English Proficient (LEP), 34.2% số học sinh đã được Sắp Hạng Lại là "Nói Tiếng Anh Trôi Chảy" -RFEP, 42.5% Đầy Đủ Năng Lực Nói Tiếng Anh Trôi Chảy -Fluent English Proficient (FEP), và 12.3% học sinh tham dự vào Chương Trình Ăn Trưa Miễn Phí hoặc Giảm Giá.

Là trường trung học mới nhất của học khu, Evergreen Valley High School từng bừng khai giảng vào tháng Giêng năm 2003, sau một tiến trình thiết kế rất lâu của cộng đồng. Địa giới nhà trường luôn luôn thay đổi vì bao gồm vùng đất thuộc thẩm quyền phát triển gia cư của thành phố San Jose mà đất đai trống rỗng và chăn nuôi dần biến thành nhà cửa mới tinh và những cơ sở doanh thương cỡ nhỏ. Tình trạng phát triển vùng Evergreen khiến trường phải tính toán thêm về nhu cầu nhận nhiều học sinh mới, vượt quá giới hạn sĩ số của trường. Tình trạng phát triển gia cư cũng đổi thay cơ bản xã hội, văn hóa và kinh tế của cộng đồng chúng ta. Những ngôi nhà mới bên kia đường lên đến giá 1,000,000 đô-la một chiếc. Cách trường bốn đoạn đường phố là thánh đường lớn nhất của đạo Sikh, du nhập từ bờ tây sông Mississippi, đem nhóm đặc thù văn hóa này vào cộng đồng chúng ta. Ngôn ngữ mà học sinh nói tại nhà là tiếng Tây Ban Nha, các thổ ngữ Ấn Độ, tiếng Việt-Nam, Tagalog và mười hai ngôn ngữ khác. Mức thu nhập và trình độ học vấn của phụ huynh vượt xa những số liệu được ghi nhận ở phần lớn các khu vực trường khác trong học khu chúng ta. Học khu dùng phương pháp tột đỉnh để lượng giá kỹ năng học sinh, trình độ học vấn phụ huynh, mức thu nhập gia đình, và văn hóa khu phố. Cuối thập niên 1990 và đầu thập niên 2000, trong số mười bốn trường trung học của học khu thì bốn trường bị qui vào diện Trường Yếu Kém, Phải Can Thiệp Tức Khắc. Nay bốn trường này chỉ còn sót một trường vẫn còn ở diện yếu kém, cần phải can thiệp tức khắc, còn ba trường kia đã thoát vòng yếu kém sau khi đạt hay vượt chỉ tiêu qui định cho mọi diện học sinh, tính từng hai năm liên tiếp. Sự khủng hoảng ngân quỹ dành cho các trường học California đã ảnh hưởng đến học khu chúng ta. Hai năm cắt giảm ngân quỹ gây bất ổn đã tạo ảnh hưởng tiêu cực đến tập thể giáo sư và nhân viên tạp vụ. Trường Trung Học Evergreen Valley High School may mắn được nhận học sinh từ Evergreen School District là một học khu giỏi. Điểm chỉ số học tập API và kết quả thi California Standards Tests xếp học khu Evergreen School District vào hạng nhì, sau học khu Berryessa School District, và khác hẳn những học khu chuyển tiếp khác. Muốn đủ tiêu chuẩn nhập học trường chúng ta, các trường cấp hai phải ở mức tiến bộ liên tục cao hơn thì mới vào lớp 9 được.

Được thiết kế thành trường mẫu của thế kỷ 21, Trung Học Evergreen Valley High School có kiến trúc tuyệt vời gồm các tòa nhà hai tầng dùng làm lớp học, một thư viện biệt lập, một trung tâm vật liệu giảng huấn, khu quản trị và khu tư vấn, nhà ăn kiêm phòng đa dụng, nhà trình diễn sân khấu có kiến trúc tối tân trong đó có rạp hát thuộc hạng sang nhất vùng Thung Lũng. Hạ tầng cơ sở yểm trợ cho toàn thể nhà trường là một mạng lưới kỹ thuật cao cấp gồm những hệ thống dây điện, các thiết bị vô tuyến và kim khí dành cho những lớp học và văn phòng số. Các tiện nghi thể dục và thể thao thật tối tân nhưng không đáp ứng hết tất cả các nhu cầu của tập thể 2400 học sinh. Mười hai phòng học tiền chế lắp đặt vào tháng 8, 2004 để giải quyết số lượng học sinh gia tăng. Trường dự tính trong niên khóa 2007-08 sẽ khánh thành một tòa nhà mới dùng làm các phòng học, thêm được mười chín phòng học nữa. Trường giảng dạy vượt chỉ tiêu tiểu bang qui định hằng năm là 64,800 phút và 180 ngày. Thời khóa biểu khối du di theo thực thể dành cơ hội cho ban giảng huấn tu nghiệp hằng tuần theo chương trình phát triển nghiệp vụ hữu ích. Quy hoạch trường mới, phối hợp với thành phố San Jose và một số công ty bảo trợ, khiến giáo sư có thêm cơ hội phát triển nghiệp vụ, cung ứng kỹ thuật và Trung Tâm Nuôi Dạy Trẻ cho tiện ích nhà trường. Trường Trung Học Evergreen Valley High School cũng được thiết kế giảng dạy những học sinh thuộc dạng giáo dục đặc biệt như các em trí óc chậm phát triển hoặc các em bị khuyết tật tự kỷ (autism).

## Những cơ hội để Phụ huynh Chung Vai Gánh Vác

Sau đây là thông tin về những cơ hội mà phụ huynh có thể tham gia các sinh hoạt nhà trường.

Hãy liên lạc với	Cari Vaeth	ờ điện thoại số	408-347-7010
<p>Trường Trung Học Evergreen Valley High School trân trọng chào đón các cộng tác viên tham gia mọi lãnh vực giáo dục. Nhằm khích lệ phụ huynh chung vai góp sức, Trường Trung Học Evergreen Valley High School duy trì hệ thống liên lạc hai chiều và sử dụng nhiều cách khác để liên lạc với mọi thành viên. Ngoài việc đăng Phiếu Tường Trình Trách Nhiệm Nhà Trường trên trang web học khu, học khu còn phổ biến những thông tin thích đáng, kể cả kết quả tiến trình lượng giá, các số liệu, chương trình của trường và Lá Thư Hiệu Trường viết bằng tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Việt trên trang web đó để phụ huynh nắm vững. Trường Trung Học Evergreen Valley High School cũng dùng trang web Parent Connect của học khu để phụ huynh trực tiếp xem điểm, tình trạng con em có mặt hay vắng mặt ở trường, điểm thi, các chương trình nhà trường cũng như mọi sinh hoạt khác để phụ huynh thấy việc liên lạc với nhân viên nhà trường quả là dễ dàng. Vì phụ huynh và cộng đồng tham gia việc trường sở là điều cần thiết để học sinh học hành thành đạt nên trường Evergreen có nhiều cơ hội cho phụ huynh tham dự. Evergreen Valley High School có Hội Đồng Nhà Trường, Ban Cố Vũ Hoạt Động Thể Thao, Hội Phụ Huynh Người Mỹ Da Đen, và Hội Liên Kết Phụ Huynh Giáo Sư Học Sinh. Nhà trường có những đêm hội ngộ phụ huynh để phổ biến những thông tin cần thiết, kể cả -nhưng không nhất thiết chỉ là- những tin tức liên quan đến việc xin Trợ Cấp Tài Chánh và Hướng Dẫn Phụ Huynh các Học Sinh Lớp 9. Ngoài ra, các giáo sư tư vấn năm nào cũng dành thời gian đến thăm phụ huynh hoặc tổ chức những buổi hội thảo với phụ huynh để phổ biến những thông tin liên quan đến đại học, trợ cấp tài chánh, và những điều học sinh cần biết để được tốt nghiệp.</p>			

## Sĩ số ghi danh, tính theo lớp

Dưới đây là bảng ghi sĩ số ghi danh tính theo lớp.

Lớp	Số học sinh	Lớp	Số học sinh
Vườn trẻ	0	Lớp 8	0
Lớp 1	0	Tiểu học không sắp lớp	0
Lớp 2	0	Lớp 9	620
Lớp 3	0	Lớp 10	621
Lớp 4	0	Lớp 11	614
Lớp 5	0	Lớp 12	556
Lớp 6	0	Trung học không sắp lớp	0
Lớp 7	0	Tổng số ghi danh	2411

## Sĩ số ghi danh tính theo thành phần

Dưới đây là bảng ghi sĩ số phần trăm sĩ số ghi danh mà trường biết rõ thuộc thành phần nào.

Thành phần	Sĩ số ghi danh tính theo phần trăm	Thành phần	Sĩ số ghi danh tính theo phần trăm
Người Mỹ gốc châu Phi	4.6	Da trắng (Không thuộc văn hoá Tây Ban Nha)	14.6
Thổ dân Mỹ hay Alaska	0.3	Đa chủng tộc hoặc không ghi rõ	0.2
Á châu	45.1	Các em bị bất lợi về mặt kinh tế xã hội	11.8
Phi-líp-pin	11.6	Các em thuộc diện phải trau dồi Anh ngữ	9.0
Các em nói tiếng Tây Ban Nha	22.7	Học sinh khuyết tật	8.0
Các em người hải đảo Thái Bình Dương	0.9	---	---

## Sĩ số trung bình tính theo lớp và phân phối học sinh theo lớp (áp dụng cho các trường trung học)

Dưới đây là bảng trình bày sĩ số trung bình các lớp tính theo môn học và số các lớp học tính theo cỡ lớp (mức tổng số học sinh trong lớp).

Môn	2003-04				2004-05				2005-06			
	Sĩ số trung bình	Số các phòng học			Sĩ số trung bình	Số các phòng học			Sĩ số trung bình	Số các phòng học		
		1-20	21-32	33+		1-20	21-32	33+		1-20	21-32	33+
Anh văn	29.4	2	45	7	26.3	27	38	14	27.9	18	32	28
Toán	28.1	3	45	5	26.9	19	36	12	25.7	27	34	14
Khoa học	30.0	1	34	9	32.1	1	26	29	30.8	5	30	29
Khoa học xã hội	30.4	1	21	11	29.8	5	24	12	29.4	4	30	15

## II. Không khí sinh hoạt của nhà trường

### Kế hoạch an toàn trường sở

Phần dưới đây là thông tin về kế hoạch an toàn chi tiết của nhà trường.

Ngày duyệt xét/cập nhật mới nhất:	07 tháng 1	Ngày thảo luận mới nhất với nhân viên nhà trường:	tháng 3, 2006
<p>Evergreen Valley có kế hoạch an toàn rất chi tiết và cẩn kẽ, mô tả lè lói, hệ thống, và thủ tục phải theo khi gặp bất cứ/tất cả các tình trạng khẩn trương. Kế hoạch này cũng bao gồm những chỉ tiêu an toàn hằng năm mà học sinh, nhân viên nhà trường, và phụ huynh đề ra. Kế hoạch an toàn được Ban An Toàn trường Evergreen soạn thảo và Ban An Toàn Học Khu duyệt xét trước khi đệ trình Hội Đồng Quản Trị Học Khu East Side Union High School District để được chấp thuận. Kế hoạch an toàn và thủ tục tập duyệt được toàn thể nhân viên nhà trường duyệt xét hằng năm. Trong mỗi năm học, những điều cảnh giác về tình trạng an toàn ở trường được toàn thể nhân viên nhà trường phổ biến cho nhau để đề phòng. Ngoài ra, tất cả những lần tập duyệt theo quy định đều được ghi vào lịch công tác để thi hành và kết quả ra sao đều được thông báo cho nhân viên toàn trường biết.</p> <p>Trong niên khóa 2004-2005, kế hoạch an toàn Trường Trung Học Evergreen Valley có ghi chi tiết để liên tục thực thi những điều sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Nội quy về hạnh kiểm</li> <li>◆ Nội quy và quy định dành cho học sinh</li> <li>◆ Nội quy về y phục</li> <li>◆ Thủ tục tập duyệt an toàn/khẩn cấp</li> <li>◆ Quy định về việc đi học trễ</li> <li>◆ Quy định về việc có mặt ở trường và lớp</li> <li>◆ Thủ tục chuyển giao học sinh</li> <li>◆ Hợp tác với các cơ quan trong cộng đồng, thành phố San Jose, sở Cảnh sát San Jose, và những cơ quan và tổ chức cung ứng các dịch vụ trợ giúp khác</li> <li>◆ Tổ an toàn</li> <li>◆ Toán đa dịch vụ</li> </ul>			

### Thi hành nội quy nhà trường

Dưới đây là thông tin về các nỗ lực thiết lập và duy trì môi trường học tập tích cực của nhà trường, kể cả đường lối áp dụng kỷ luật.

Để đáp ứng các nhu cầu học tập khác nhau của toàn thể học sinh chúng ta, trường Evergreen Valley mở rất nhiều chương trình và hoạt động cổ vũ cho một môi trường học tập tích cực. Không những các giáo sư cố vấn, nhân viên nhà trường, và ban giảng huấn liên tục trợ giúp hết thảy mọi học sinh, trường Evergreen Valley còn cung ứng những chương trình và dịch vụ sau đây: Camp AnyTown, Hội Thao Văn Hóa, Học Sinh Nối Kết Giúp Đỡ Nhau (Link Crew), Hợp Tác

Với Cộng Đồng Trong Những Chương Trình Giáo Dục, Học Viện Toán - Anh văn Mùa Hè, Chương Trình Bạn Cùng Trường Kèm Nhau Học, Trung Tâm Nghề Nghiệp, Trung Tâm Dạy Kèm, Dàn Xếp Bất Hòa, Toán Đa Dịch Vụ, và Nội Trú Cán Sự Xã Hội MSW.

Để phát triển và tăng cường những điểm mạnh kể trên, trường Evergreen Valley xác định niềm kỳ vọng vào tác phong của học sinh khi đi học cũng như trong cuộc sống với cộng đồng, nêu rõ trong Sách Hướng Dẫn Phụ Huynh và Học Sinh nhà trường mà chúng tôi gửi cho mọi gia đình học sinh sau khi toàn thể giáo sư đã duyệt xét để học sinh xem xét, hiểu rõ và chịu trách nhiệm luân lý về hành vi và tư cách của mình. Trong sách hướng dẫn này cũng có nội quy trường Evergreen Valley về sách nhiễu tình dục, chống kỳ thị, sắc luật về quyền hạn và chính sách giáo dục gia đình, hướng dẫn về việc cho điểm, bằng kỹ luật (nêu rõ hậu quả của hành động phá rối kỹ luật để bảo đảm việc triệt để tuân theo kỹ luật), chính sách của học khu về hạnh kiểm học sinh, và mục đích, mục tiêu cùng phương hướng phấn đấu học tập toàn trường (ESLRs) của trường Evergreen Valley chúng ta. Ngoài ra, trong những tờ “green sheets” (quy định lớp học), tất cả các giáo sư còn gói ghém bao mong đợi các hành vi tích cực cũng như hạnh kiểm mẫu mực của học sinh, và cũng kết hợp phần giáo dục tính hạnh vào giáo trình. Ngoài những phương cách giáo dục tính hạnh vừa kể, giáo sư còn ra các bài làm đòi hỏi học sinh phải tả rõ các mục tiêu và nguyện ước của mình cho tương lai. Các em phải đặt mục tiêu, nêu rõ những giải pháp khác nhau, và nhận trách nhiệm theo đuổi mục đích trong xã hội toàn cầu ngày nay. Là thành viên của xã hội toàn cầu đó, học sinh phải là những cá nhân, công dân, và thành viên có trách nhiệm với toàn thể giới bằng cách dành thì giờ cải tiến tình trạng an sinh của người khác (ví dụ như tham gia các tổ chức CSF, NHS, phục vụ cộng đồng, quyền góp thực phẩm cho người nghèo nhân dịp lễ Giáng Sinh; và bạn bè cùng trường cố vấn cho nhau, v.v...)

Để bảo đảm thêm sự an toàn cho học sinh, nhà trường còn theo chế độ “kín cổng cao tường” trong suốt ngày học, theo đúng luật lệ của Hội Đồng Quản trị. Học sinh không được rời khỏi trường mà không có phép của cha mẹ hay người giám hộ, và người ngoài không được phép vào trường mà không có lý do chính đáng. Người lạ phải đến ghi danh tại văn phòng nhà trường và đeo băng khách viếng thăm do văn phòng cấp phát. Thủ tục này bảo đảm tối đa cho con em học tập mà không phải lo lắng gì về kẻ lạ xâm nhập. Khi vi phạm quy định nhà trường, kẻ phạm luật sẽ bị kỷ luật công bằng nhưng cũng rất đúng mức hoặc sẽ phải chịu pháp luật xử lý.

### Tạm đuổi học và đuổi học hẳn

Bảng dưới đây ghi tỉ số các vụ đuổi học và đuổi học hẳn (tức là tổng số các vụ bị đuổi chia cho số ghi danh) ở mức độ trường và học khu trong ba năm gần đây nhất.

Tỉ số	Trường			Học khu		
	2003-04	2004-05	2005-06	2003-04	2004-05	2005-06
Tạm đuổi học	6.0%	7.0%	8.1%	11.2%	7.9%	17.6%
Đuổi học hẳn	0%	0%	0.25%	0.2%	0.18%	0.15%

## III. Tiện nghi trường sở

### Tình trạng và sự cải tiến tiện nghi trường sở

Phần này là thông tin về tình trạng đất đai, nhà cửa, phòng, và các phòng vệ sinh của trường và nói rõ tình trạng cải tiến các nơi trong trường, dự trù hoặc mới hoàn tất.

#### Khái quát

Học khu luôn nỗ lực bảo đảm rằng trường sở phải sạch sẽ, an toàn, và sử dụng thật hữu hiệu. Để duy trì nỗ lực đó, học khu dùng biện pháp thăm dò tiện nghi trường sở mà Phòng Xây Dựng Các Trường Công Lập Tiểu Bang California soạn thảo. Văn phòng mỗi trường và văn phòng học khu đều có sẵn các kết quả thăm dò vừa kể.

#### Tuổi nhà cửa phòng ốc trong trường

Mặc dù ngôi trường chính được xây trên diện tích này vào năm 2002, nhưng nhà trường vẫn phải lắp đặt thêm những nhà gỗ để đáp ứng số học sinh gia tăng trong cộng đồng Evergreen Valley.

### **Bảo trì và sửa chữa**

Nhân viên bảo trì và phụ trách tiện nghi của học khu kiên quyết tu sửa những nơi cần thiết để trường lúc nào cũng tốt đẹp và những yêu cầu sửa chữa luôn được giải quyết mau chóng. Thứ tự sửa chữa được áp dụng để công việc được hữu hiệu và các việc tu sửa khẩn cấp lúc nào cũng là ưu tiên hàng đầu.

### **Tiến trình và lịch trình dọn dẹp sạch sẽ**

Hội Đồng Quản Trị Học Khu chấp chiếu sử dụng những tiêu chuẩn lau chùi dọn dẹp mọi trường trong học khu. Tổ lãnh đạo ngày ngày làm việc với nhân viên tạp dịch để trường học lúc nào cũng sạch sẽ và an toàn.

### **Ngân sách lưu cứu bảo trì**

Học khu tham gia Chương Trình Lưu Cứu Bảo Trì Nhà Trường do Tiểu Bang phát động. Chương trình này cung cấp kinh phí thích đáng trên cơ sở một đổi một, để giúp các học khu chi trả khi phải sửa chữa lớn hoặc thay thế cục bộ những nơi phải xây dựng trong trường. Điển hình là sửa mái nhà, ống nước, hệ thống sưởi, điều hòa không khí, điện, sơn bên trong và ngoài nhà, và tu sửa sàn nhà.

### **Dự án đổi mới**

Một toà nhà dùng làm các lớp học đang được xây dựng và sẽ khánh thành vào mùa thu 2007. 18 lớp học mới xây thêm này có 4 phòng thí nghiệm khoa học.

### **Tình trạng tu sửa tốt các tiện nghi nhà trường**

Bảng dưới đây ghi kết quả cuộc thanh tra tiến hành gần đây nhất trong trường để xác định tình trạng tu sửa tốt được thực hiện đến đâu.

Những mục đã thanh tra	Tiện nghi đã sửa chữa tốt đẹp		Cần sửa, đã sửa, hoặc dự tính sửa
	Đúng	Không đúng	
Xì ga		X	
Các hệ thống cơ khí		X	Cần phải sửa chữa rạp hát. Việc sửa chữa đã hoàn tất ngày 02/02/07.
Cửa sổ/cửa ra vào/cổng (bên trong và bên ngoài)	X		
Bề mặt bên trong phòng (tường, nền nhà, và trần nhà)	X		
Vật liệu dễ gây hiểm họa (bên trong và bên ngoài)	X		
Hư hại về cấu trúc	X		
An toàn phòng hỏa	X		
Điện (bên trong và bên ngoài)	X		
Chuột bọ	X		
Máy nước uống (bên trong và bên ngoài)	X		
Phòng vệ sinh	X		
Cống rãnh	X		
Sân chơi/Sân trường	X		
Những mục khác			

## IV. Giáo sư

### Tín ủy giảng dạy

Bảng dưới đây ghi số các giáo sư được bổ nhiệm giảng dạy tại trường, có đủ tín ủy, chưa đủ tín ủy, và những giáo sư dạy không đúng môn quy định. Quý vị có thể xem trên trang web sau đây của Bộ Giáo Dục California <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/> về các điều kiện cần thiết để làm giáo sư.

Giáo sư	Trường			Học khu
	2003-04	2004-05	2005-06	2005-06
Có đủ tín ủy	64	77	86	1033
Chưa đủ tín ủy	20	16	13	143
Dạy không đúng môn quy định	0	0	1	---

### Bổ nhiệm giáo sư không đúng chỗ và thiếu giáo sư phụ trách

Bảng dưới đây ghi số giáo sư được bổ nhiệm không đúng chỗ (không có thẩm quyền thích đáng và hợp pháp) và số chỗ chưa có giáo sư giảng dạy (chưa có giáo sư được bổ nhiệm dạy trọn khóa kể từ đầu năm học hay đầu học kỳ). Ghi chú: Tổng số giáo sư được bổ nhiệm sai chỗ bao gồm số giáo sư đáng lẽ không được dạy các học sinh thuộc diện trau dồi Anh ngữ.

Mức ghi nhận	2004-05	2005-06	2006-07
Giáo sư được bổ nhiệm sai chỗ để dạy lớp trau dồi Anh ngữ	0	0	0
Tổng số giáo sư được bổ nhiệm sai chỗ	0	0	1
Số chỗ chưa có giáo sư dạy	0	0	0

### Các bộ môn chủ yếu do giáo sư có tín ủy thích hợp với sắc lệnh Không Bỏ Sót Trẻ Em Nào (No Child Left Behind Act, gọi tắt là NCLB) giảng dạy

Bảng dưới đây ghi số phần trăm các bộ môn chủ yếu do giáo sư có và chưa có tín ủy thích hợp với sắc lệnh Không Bỏ Sót Một Trẻ Em Nào giảng dạy tại trường, tại tất cả mọi trường trong học khu, và tại những trường quá nghèo và nghèo vừa phải trong học khu. Muốn biết thêm chi tiết về việc này, xin xem trang web <http://www.cde.ca.gov/nclb/sr/tq/> để biết điều kiện làm giáo sư giảng dạy theo sắc luật Không Bỏ Sót Trẻ Em Nào.

Lớp ở	Phần trăm các lớp dạy những môn chủ yếu	
	Do giáo sư có tín ủy thích hợp với sắc lệnh NCLB phụ trách	Do giáo sư không có tín ủy thích hợp với sắc lệnh NCLB phụ trách
Trường này	88.0	12.0
Mọi trường trong học khu	87.0	13.0
Những trường quá nghèo trong học khu	0.0	0.0
Những trường nghèo vừa phải trong học khu	87.0	13.0

### Tình trạng giáo sư thay thế

Phần sau đây là thông tin về tình trạng giáo sư thay thế có đủ văn bằng và về ảnh hưởng và trở ngại của việc dạy thay đổi với các chương trình giảng dạy tại trường.

Tim và mướn giáo sư thay thế có hiệu năng là một vấn đề khẩn thiết của mọi trường trong Học Khu East Side Union High School District. Hệ thống hiện thời chưa đáp ứng hữu hiệu và thích đáng những nhu cầu của các trường sở địa phương. Nhu cầu giáo sư thay thế tùy thuộc ngày thứ mấy trong tuần và vào tháng nào trong năm. Nghỉ bệnh, nghỉ vì việc riêng, hoặc phải đi tu nghiệp là lý do cần thiết để xin người dạy thay. Khi số cầu quá hơn số cung thì các giáo sư khác hay quản trị viên nhà trường phải dạy thay vào giờ soạn bài của họ. Bất luận gọi giáo sư thay thế vì lý do nào, thì chương trình giảng dạy vẫn bị ảnh hưởng không tốt vì giáo sư chính phải vắng mặt. Bởi thế cần phải cố gắng giảm bớt việc giáo sư vắng mặt.

Mọi giáo sư thay thế ít nhất đều phải có bằng cử nhân, đậu kỳ thi Trắc Nghiệm Kỹ Năng Cơ Bản của tiểu bang California (CBEST), và có tín ury giảng dạy mà pháp luật đòi hỏi thì mới được dạy thay.

## Thủ tục lượng giá giáo sư

Phần này có những thông tin về các thủ tục và tiêu chuẩn lượng giá giáo sư.

Mọi giáo sư và nhân viên đều bị thường xuyên lượng giá. Việc lượng giá này được chính thức thực hiện theo quy định của học khu và nghiệp đoàn. Giáo sư năm thứ nhất được lượng giá mỗi niên khóa hai lần, và mọi giáo sư tạm thời và tập sự đều được đánh giá hằng năm. Tất cả các giáo sư chính thức đều được lượng giá hai năm một lần. Ngoài ra, các quản trị viên cũng có thể bất ngờ đến quan sát lớp một cách bán chính thức. Mục đích chung của việc viếng thăm lớp và lượng giá là để giúp giáo sư cải tiến lối giảng dạy cho tốt đẹp hơn. Ban quản trị luôn mở cửa chào đón và duy trì quan hệ tốt đẹp với tất cả mọi giáo sư.

## V. Nhân viên yểm trợ

### Giáo sư cố vấn và những nhân viên yểm trợ khác

Tính theo đơn vị tương đương với việc làm toàn thời gian (in units of full-time equivalents, gọi tắt là FTE), bảng dưới đây ghi rõ số giáo sư cố vấn và những nhân viên yểm trợ khác được bổ nhiệm làm việc tại trường và số trung bình các học sinh mà mỗi giáo sư cố vấn giúp đỡ. Một đơn vị FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên mà mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian.

Chỉ danh chức vụ	Số đơn vị FTE phục vụ tại trường	Số lượng trung bình các học sinh được một giáo sư cố vấn giúp đỡ
Giáo sư cố vấn	3.0	803.7
Giáo sư thông tấn thư viện (quản thủ thư viện)	1.0	---
Nhân viên thư viện phục vụ đa thông tấn (phó chuyên gia paraprofessional)	0.0	---
Chuyên gia tâm lý	0.6	---
Cán sự xã hội	0.0	---
Y tá	0.17	---
Chuyên gia khuyết tật ngôn ngữ nói/viết/nghe	0.0	---
Chuyên gia tài nguyên (không phải là giáo sư)	0.0	---
Những chức vụ khác	2.0	---

## VI. Giáo trình và tài liệu giảng dạy

### Phẩm chất, tình trạng hợp thời, và mức độ có sẵn của các sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy

Dưới đây là thông tin về phẩm chất, tình trạng hợp thời, và mức độ các sách giáo khoa và tài liệu giảng huấn đúng tiêu chuẩn mà nhà trường có sẵn để sử dụng và thông tin về việc trường Independence sử dụng những giáo trình bổ túc hoặc sách giáo khoa hay tài liệu giảng huấn ngoài khuôn khổ chấp thuận là tiêu chuẩn.

Bộ môn chính	Nhà xuất bản & ngày xuất bản	Ngày được hội đồng nhà trường chấp thuận	Phù hợp với các tiêu chuẩn bộ môn do tiểu bang California quy định	Số phần trăm học sinh thiếu sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy phát riêng

<b>Tập đọc/Anh văn</b>				
Anh ngữ 1 – “The Language of Literature Ninth Grade”	McDougal Littell 2002	4/2004	Có	0%
Anh ngữ 2 – “Timeless Voices, Timeless Themes Platinum”	Prentice Hall/ 1997	6/1998	Có	0%
Anh ngữ 3 – “Timeless Voices Timeless Themes Am. Experience”	Prentice Hall/ 2000	6/2001	Có	0%
Anh ngữ 4 – “The Language & Literature of The World”	McDougal Littell/2000	6/2002	Có	0%
Luận & Văn chương – “Literature and Language Arts Third Course”	Holt/2003	6/2006	Có	0%
<b>Toán</b>				
Đại số I – “E & A Algebra 1”	McDougal Littell/ 1998	6/1998	Có	0%
Hình học – “Geometry”	McDougal Littell/ 2007	6/2006	Có	0%
Đại số II – “E & A Algebra 2”	McDougal Littell/ 1998	6/1998	Có	0%
Toán giải tích – “Precalculus With Limits”	Houghton Mifflin/ 2001	6/2001	Có	0%
Toán tích phân – “Calculus”	Houghton Mifflin/ 1998	6/2001	Có	0%
<b>Khoa Học</b>				
Khoa học kết hợp 1 – “Conceptual Physical Science / Explorations”	Addison-Wesley/ 1999, 2003	2/2001	Có	0%
Sinh học – “Biology: Exploring Life”	Prentice-Hall/ 2004	6/2004	Có	0%
Hóa học – “Chemistry: Connections to our Changing World”	Prentice-Hall/ 2000, 2002	3/2000	Có	0%
Vật lý – “Conceptual Physics”	Addison-Wesley\ 1992, 99, 02, 06	5/1993	Có	0%
<b>Lịch sử - Khoa</b>				

<b>học xã hội</b>				
Sử thế giới – “Modern World History”	McDougal- Littell/2003	5/2001	Có	0%
Sử Hoa Kỳ – “The American Vision”	Glencoe/M cGraw Hill/2006	7/2006	Có	0%
Chính phủ Mỹ – “Magruder’s American Government”	Prentice Hall/2007	6/1998	Có	0%
Chính phủ Mỹ – “We the People”	Center for Civic Education/ 2002	5/1990	Có	0%
Kinh tế học – “Holt Economics”	Holt/2003	11/2002	Có	0%
Kinh tế học – “Junior Achievement”	Junior Achievement Corp.	6/1986	Có	0%
<b>Ngoại ngữ</b>				
Spanish 1, 2, 3, – Series “Realidades 1, 2, 3”	Prentice Hall/2004	5/2004	Có	0%
Spanish 4 – “Abriendo Paso”	Heinle & Heinle/ 2000	5/1995	Có	0%
French 1, 2, 3, – Series “Discovering French 1, 2, 3”	McDougal Little/2004	5/1994	Có	0%
French 4 – “Discovering French 3: Rouge”	McDougal Littell/ 2004	5/1994	Có	0%
Spanish Speakers 2 – “Sendas Literarias 1”	Pearson Prentice Hall/1995	5/1995	Có	0%
Spanish Speakers Lang AP - “Abriendo Puertas:tomo 1”	McDougal Littell /2003	5/1998	Có	0%
Spanish Speakers Lit AP – “Abriendo Puertas tomo 1 & Abriendo Puertas tomo 2”	McDougal Littell/2003	5/1995	Có	0%
Vietnamese Speakers 1, 2, 3, 4 – Series “Vietnamese Language Level 1, 2, 3, 4”	Sách do học khu soạn	05/93, 05/94, và 03/00	Có	0%
<b>Trau dồi Anh</b>				

<b>Ngữ</b>				
ELD Levels 1, 2, 3 – “Shining Star” Series (Keys to Learning thru Level C)	Pearson-Longman/2003	5/2005	Có	0%
<b>Cung phẩm Khoa học và Thiết bị cho phòng Thí nghiệm</b>				
<p>Mỗi trường đều có đủ ngân quỹ để mua những cung phẩm khoa học và thiết bị cho phòng thí nghiệm để đáp ứng những phân thiếu hụt đã nói trong những cuộc viếng thăm quan sát các trường học mà vụ án Williams nêu ra.</p>				

## VII. Tình hình tài chánh nhà trường

### Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo sư (tài khóa 2004-05)

Bảng dưới đây trình bày sự so sánh giữa số tiền chi tiêu cho mỗi học sinh từ những nguồn (cơ bản) không giới hạn với những trường khác trong học khu và toàn thể tiểu bang, và so sánh lương trung bình của giáo sư trong trường với lương trung bình của các giáo sư trong học khu và các mức lương giáo sư trên toàn tiểu bang. Quý vị có thể tìm thông tin chi tiết về lương bổng trên các trang web <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/ec/> và <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/> của Bộ Giáo Dục Tiểu Bang California.

Ở mức	Tổng chi tiêu cho mỗi học sinh	Chi tiêu cho mỗi học sinh (Bổ túc)	Chi tiêu cho mỗi học sinh (Cơ bản)	Lương trung bình của giáo sư
<b>Trường</b>	\$5,864	\$1,121	\$4,743	\$62,477
<b>Học khu</b>	---	---	\$6,074	\$67,720
<b>Sự khác biệt tính theo phần trăm - trường và học khu</b>	---	---	-\$1,331	-\$5,243
<b>Tiểu bang</b>	---	---	\$4,743	\$60,037
<b>Sự khác biệt tính theo phần trăm- Trường và tiểu bang</b>	---	---	\$0	\$2,440

### Những loại dịch vụ có kinh phí

Dưới đây là thông tin về những chương trình và dịch vụ bổ túc mà trường có, được kê khai theo hạng mục hoặc do các nguồn khác tài trợ.

Trong niên khóa 2005-2006 school year, trường Evergreen Valley được thêm ngân quỹ giúp đỡ những học sinh có các nhu cầu đặc biệt. Sau đây là những chương trình đặc biệt mà trường có:

- ◆ Adaptive Physical Education (Thể dục thích ứng)
- ◆ English Language Development Classes (Trau dồi Anh ngữ)
- ◆ Economic Impact Aid (trợ cấp những học sinh bị khó khăn về kinh tế)
- ◆ Title I Program (thiên I –giúp đỡ những học sinh gặp hoàn cảnh khó khăn)
- ◆ Gifted and Talented Education (giáo dục các học sinh có thiên khiếu và tài năng)
- ◆ Special Education Classes (giáo dục đặc biệt)
- ◆ School Psychologist (chuyên gia tâm lý nhà trường)
- ◆ CAHSEE Support Classes (luyện thi ra trường trung học)
- ◆ Central County Occupational Center (học nghề ở trường CCOC)
- ◆ Section 504 Plan Services (giúp đỡ người khuyết tật)
- ◆ Limited English Proficient Services (trau dồi Anh ngữ)
- ◆ Speech Therapy (giúp các em khuyết tật về ngôn ngữ nói)
- ◆ Vocational Education (hướng nghề)

- ◆ Migrant Education Program (giáo dục di dân)
- ◆ After School Tutoring (học kèm ngoài giờ)

### Lương giáo sư và quản trị viên (tài khóa 2004-05)

Bảng dưới đây là thông tin về lương học khu trả cho các giáo sư, hiệu trưởng/hiệu phó, tổng giám đốc và so sánh những khoản lương này với các chức vụ tương đương trên toàn tiểu bang. Bảng này cũng trình bày lương các giáo sư và quản trị viên theo số phần trăm ngân quỹ học khu, và so sánh những mức lương này với các mức lương trung bình trong tiểu bang của những học khu cùng loại và sĩ số. Quý vị có thể tìm thông tin chi tiết về lương bổng trên các trang web <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/> và <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/salaries0405.asp> của Bộ Giáo Dục Tiểu Bang California.

Phân loại lương bổng	Lương học khu	Lương trung bình các học khu cùng loại trong tiểu bang
Lương giáo sư mới vào nghề	\$44,393	\$37,671
Lương giáo sư trung bình	\$75,604	\$63,121
Lương giáo sư cao nhất	\$89,953	\$78,630
Lương trung bình của hiệu trưởng (trung học)	\$107,889	\$111,909
Lương tổng giám đốc	\$236,920	\$163,061
Số phần trăm ngân quỹ dành trả lương cho giáo sư	38.6	37.8
Số phần trăm ngân quỹ dành trả lương cho các quản trị viên	4.6	5.2

## VIII. Học lực của học sinh

### Trắc Nghiệm Tiêu Chuẩn California

Các bài thi Trắc Nghiệm Tiêu Chuẩn California (California Standards Tests, gọi tắt là CST) cho thấy sức học của học sinh so sánh với tiêu chuẩn các môn học mà tiểu bang đề ra. Trắc Nghiệm Tiêu Chuẩn California gồm các bài thi Anh văn và toán các lớp 2 đến 11; khoa học các lớp 5, 8, 9, 10, và 11; và khoa học lịch sử - xã hội các lớp 8, 10, và 11. Điểm số học sinh đạt được chứng tỏ sức học của các em. Trang web sau đây <http://star.cde.ca.gov/> của Bộ Giáo Dục Tiểu Bang California đăng thông tin chi tiết về điểm số thi mỗi lớp cũng như học lực của học sinh, kể cả số phần trăm các em không thi. *Ghi chú: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, trang web không đăng điểm số khi tổng số học sinh dự thi từ 10 em trở xuống.*

### Kết quả Trắc Nghiệm Tiêu Chuẩn California của mọi học sinh -- Bảng so sánh ba năm

Bảng dưới đây ghi số phần trăm các học sinh đạt mức thông thạo hoặc cao cấp (đạt hay vượt chỉ tiêu tiểu bang).

Bộ môn	Trường			Học khu			Tiểu bang		
	2004	2005	2006	2004	2005	2006	2004	2005	2006
Anh văn	55	61	62	33	38	39	36	40	42
Toán	23	30	37	16	19	22	34	38	40
Khoa học	28	40	61	20	23	36	25	27	35
Khoa học lịch sử-xã hội	37	52	54	27	31	30	29	32	33

### Kết quả Trắc Nghiệm Tiêu Chuẩn California tính theo thành phần học sinh – năm gần đây nhất

Bảng dưới đây ghi số phần trăm các học sinh, tính theo thành phần, đạt mức thông thạo hoặc cao cấp (đạt hay vượt chỉ tiêu tiểu bang) trong kỳ thi gần đây nhất.

Thành phần	Số phần trăm các học sinh đạt điểm thông thạo hoặc cao cấp			
	Anh văn	Toán	Khoa học	Khoa học lịch sử-xã hội
Người Mỹ gốc châu Phi	48	14	37	42
Thổ dân Mỹ hay thổ dân Alaska	*	*	*	*
Châu Á	76	54	74	66
Phi-líp-pin	60	28	65	48
Các em nói tiếng Tây Ban Nha	37	13	31	32
Các em người hải đảo Thái Bình Dương	44	25	*	*
Các em da trắng (không nói tiếng Tây Ban Nha)	67	36	71	58
Nam sinh	58	38	62	56
Nữ sinh	67	36	60	52
Các em bị bất lợi về mặt kinh tế xã hội	48	27	38	39
Các em đang trau dồi Anh ngữ	23	22	26	16
Học sinh khuyết tật	15	6	14	12
Học sinh được các dịch vụ Giáo Dục Di Dân giúp đỡ	38	8	*	*

### Trắc Nghiệm Dựa Trên Chỉ Tiêu (Norm-Referenced Test, gọi tắt là NRT)

Hiện nay Trắc Nghiệm Dựa Trên Chỉ Tiêu là kỳ thi Trắc Nghiệm Học Lực của tiểu bang California (California Achievement Test, xuất bản lần thứ 6,) để đo học lực học sinh trong tiểu bang so sánh với học lực học sinh toàn quốc Mỹ trong các bộ môn đọc hiểu, Anh văn, viết đúng chính tả, và toán, của các lớp từ 3 đến 7 mà thôi. Kết quả được tính theo số phần trăm điểm số các học sinh dự thi đạt hay vượt chỉ tiêu trung bình (mức phần trăm thứ 50 –50<sup>th</sup> percentile) toàn quốc Mỹ. Trang web sau đây <http://star.cde.ca.gov/> của Bộ Giáo Dục Tiểu Bang California đăng thông tin chi tiết về điểm số thi mỗi lớp. *Ghi chú: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, trang web không đăng điểm số khi tổng số học sinh dự thi từ 10 em trở xuống.*

### Kết quả Trắc Nghiệm Dựa Trên Chỉ Tiêu (NRT) của mọi học sinh -- Bảng so sánh ba năm

Bảng dưới đây ghi số phần trăm các học sinh dự thi đạt hay vượt chỉ tiêu trung bình (mức phần trăm thứ 50 –50<sup>th</sup> percentile) toàn quốc Mỹ về khả năng đọc hiểu và toán.

Bộ môn	Trường			Học khu			Tiểu bang		
	2004	2005	2006	2004	2005	2006	2004	2005	2006
Đọc hiểu	71			47			43	41	42
Toán	73			53			51	52	53

### Kết quả Trắc Nghiệm Thể Lực - Thể Chất của tiểu bang California (California Physical Fitness Test)

Thi thể lực - thể chất chỉ dành cho học sinh các lớp 5, 7, và 9 mà thôi. Bảng dưới đây ghi số phần trăm học sinh, tính theo lớp, đạt chỉ tiêu thể lực (đạt điểm mạnh khỏe về thể lực so sánh với toàn bộ sáu chỉ tiêu đề ra) trong phần lớn kỳ thi mới đây nhất. Và <http://www.cde.ca.gov/ta/tg/pf/> là trang web của Bộ Giáo Dục Tiểu Bang California đăng thông tin chi tiết về Trắc Nghiệm Thể Lực - Thể Chất của tiểu bang California, so sánh với kết quả trắc nghiệm thể lực - thể chất của học khu và tiểu bang. *Ghi chú: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, trang web không đăng điểm số khi tổng số học sinh dự thi từ 10 em trở xuống.*

Lớp	Phần trăm các học sinh đạt chỉ tiêu thể lực
5	ngoại số
7	ngoại số
9	27.0%

## IX. Thi hành trách nhiệm

### Chỉ số khả năng học tập

Chỉ số khả năng học tập (Academic Performance Index, gọi tắt là API) là mức đo khả năng học tập và tiến bộ hằng năm của các trường thuộc tiểu bang California. Điểm chỉ số khả năng học tập API đi từ 200 đến 1,000, với chỉ số toàn tiểu bang là 800. Thông tin chi tiết về chỉ số khả năng học tập API được đăng trên trang web sau đây của Bộ Giáo Dục Tiểu Bang California: <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ap/>.

### Đẳng cấp chỉ số khả năng học tập API -- Bảng so sánh ba năm

Dưới đây là bảng ghi đẳng cấp chỉ số khả năng học tập (API) của các trường trên khắp tiểu bang và những trường cùng đẳng cấp API với trường chúng ta. Các đẳng cấp API đi từ 1 đến 10. Đẳng cấp 1 có nghĩa là trường có điểm API nằm trong khoảng 10 phần trăm thấp nhất so với tất cả mọi trường trong tiểu bang, trong khi đẳng cấp 10 có nghĩa là trường có điểm API nằm trong khoảng phần trăm cao nhất so với tất cả mọi trường trong tiểu bang. Con số chỉ những trường cùng đẳng cấp cho thấy nhà trường so với 100 "trường tương tự" theo thống kê như thế nào. Số 1 ở dòng "những trường cùng đẳng cấp" có nghĩa chỉ số khả năng học tập của nhà trường được so sánh là thấp nhất trong số 10 trường trong nhóm 100 trường cùng đẳng cấp, trong khi số 10 có nghĩa là chỉ số khả năng học tập của nhà trường ít nhất cũng cao hơn 90 trường trong nhóm 100 trường cùng đẳng cấp.

Đẳng cấp API	2003-04	2004-05	2005-06
Khắp trên tiểu bang	8	9	10
Những trường cùng đẳng cấp	5	5	7

### Chỉ số khả năng học tập (API) thay đổi theo thành phần học sinh -- Bảng so sánh ba năm

Bảng dưới đây trình bày mức thay đổi thực sự về chỉ số khả năng học tập tính theo thành phần học sinh, với số điểm đạt thêm hoặc mất đi trong ba năm qua, và số điểm chỉ số khả năng học tập gần đây nhất. Ghi chú: "KĐĐ" có nghĩa số thành phần học sinh này không đồng đều là bao.

Thành phần học sinh	Thay đổi hiện nay về API			Điểm API
	2003-04	2004-05	2005-06	2006
Mọi học sinh trong trường	27	34	5	818
Người Mỹ gốc châu Phi	KĐĐ	KĐĐ	KĐĐ	KĐĐ
Thổ dân Mỹ hay thổ dân Alaska	KĐĐ	KĐĐ	KĐĐ	KĐĐ
Châu Á	33	39	7	881
Phi-líp-pin	9	42	0	818
Các em nói tiếng Tây Ban Nha	6	22	1	693
Các em người hải đảo Thái Bình Dương	KĐĐ	KĐĐ	KĐĐ	KĐĐ
Các em da trắng (không nói tiếng Tây Ban Nha)	49	22	11	843
Các em bị bất lợi về mặt kinh tế xã hội		65	-16	740
Các em đang trau dồi Anh ngữ	--	--	-12	797
Học sinh khuyết tật	--	--	13	523

## Những chương trình có phần thưởng và những chương trình can thiệp của tiểu bang

Phần dưới đây là thông tin về việc nhà trường tham dự vào một số chương trình có phần thưởng của tiểu bang và những chương trình tiểu bang can thiệp chỉ ở mức độ những chương trình này được cấp quỹ suốt thời gian ghi trong báo cáo này.

Trường Trung Học Evergreen Valley không phải là trường kém mà tiểu bang phải can thiệp.

### Tiến bộ thỏa đáng hằng năm

Sắc luật liên bang NCLB (Không Bỏ Sót Trẻ Em Nào) quy định rằng tất cả mọi trường và mọi học khu đều phải đạt những tiêu chuẩn Tiến Bộ Thỏa Đáng Hằng Năm (Adequate Yearly Progress, gọi tắt là AYP) về những mặt như sau:

- Tỷ số tham dự những kỳ lượng giá theo tiêu chuẩn tiểu bang về Anh văn và toán
- Số phần trăm các học sinh thành thạo trong các kỳ lượng giá dựa trên những tiêu chuẩn của tiểu bang về Anh văn và toán
- Chỉ số khả năng học tập API được dùng làm mức ghi nhận
- Tỷ số tốt nghiệp (áp dụng cho các trường trung học)

Thông tin chi tiết về Tiến Bộ Thỏa Đáng Hằng Năm, kể cả tỉ số tham dự những kỳ lượng giá và số phần trăm các em, tính theo thành phần học sinh, đạt kết quả thành thạo đều được đăng trên trang web sau đây của Bộ Giáo Dục Tiểu Bang California: <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ay/>.

### Tiến bộ thỏa đáng hằng năm AYP nói tổng quát và xét theo tiêu chuẩn

Bảng dưới đây chỉ rõ tình trạng trường và học khu chúng ta đạt hay không đạt tiến bộ thỏa đáng hằng năm, nói chung, và tình trạng trường và học khu chúng ta đạt hay không đạt các tiêu chuẩn về tiến bộ thỏa đáng hằng năm.

Tiêu chuẩn tiến bộ thỏa đáng hằng năm	Trường	Học khu
Nói chung	Đạt	Không đạt
Tỉ số tham dự - Anh văn	Đạt	Không đạt
Tỉ số tham dự - Toán	Đạt	Không đạt
Số phần trăm các em thành thạo Anh văn	Đạt	Không đạt
Số phần trăm các em thành thạo toán	Đạt	Không đạt
Lên đẳng cấp chỉ số khả năng học tập (API)	Đạt	Có lên
Tỉ số tốt nghiệp	Đạt	Không đạt

### Chương trình liên bang can thiệp

Các trường và học khu được Thiên I (Title I) liên bang tài trợ đều thuộc diện Phải Cải Tiến Chương Trình (Program Improvement, gọi tắt là PI) nếu không đạt tiến bộ thỏa đáng hằng năm trong hai năm liên tiếp ở cùng một bộ môn (Anh văn hoặc toán) hoặc xét theo cùng một mức ghi nhận (chỉ số khả năng học tập API hay tỉ số tốt nghiệp). Khi được xếp vào diện PI (Phải Cải Tiến Chương Trình) thì mỗi năm sau đó các trường và các học khu ấy bị can thiệp ở mức độ kế tiếp nếu không đạt mức tiến bộ thỏa đáng hằng năm (AYP). Thông tin chi tiết về diện Phải Cải Tiến Chương Trình được đăng trên trang web sau đây của Bộ Giáo Dục Tiểu Bang California: <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ay/>.

Mức ghi nhận	Trường	Học khu
Tình trạng Cải Tiến Chương Trình (CTCT)	Không phải CTCT	Phải CTCT
Cải Tiến Chương Trình niên khóa đầu tiên là...		2004-2005
Cải Tiến Chương Trình đang ở năm thứ...		2
Số các trường hiện nay đang Cải Tiến Chương Trình	---	2
Số phần trăm các trường hiện nay đang Cải Tiến Chương Trình	---	11.8

## X. Hoàn tất việc học và chuẩn bị học sau khi xong trung học

### Tỉ số bỏ học và tỉ số tốt nghiệp

Dưới đây là bảng ghi tỉ số học sinh bỏ học và tỉ số học sinh tốt nghiệp một năm, trong suốt ba năm gần đây nhất. Để tiện việc so sánh, các số liệu cũng được ghi theo cấp học khu và cấp tiểu bang. Thông tin chi tiết về tỉ số học sinh bỏ học và tỉ số học sinh tốt nghiệp được đăng trên trang web sau đây của Bộ Giáo Dục Tiểu Bang California: <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

Mức ghi nhận	Trường			Học khu			Tiểu bang		
	2002-03	2003-04	2004-05	2002-03	2003-04	2004-05	2002-03	2003-04	2004-05
Tỉ số bỏ học (1 năm)	0.0	0.5	2.7	3.0	4.0	7.5	3.2	3.3	3.1
Tỉ số tốt nghiệp	89.6	86.6	93.9	89.6	86.6	80.5	86.7	85.3	84.9

### Quy định về việc tốt nghiệp trung học

Bắt đầu từ lớp tốt nghiệp năm 2006, học sinh các trường công lập thuộc tiểu bang California phải thi đậu cả phần Anh văn lẫn phần toán trong kỳ Thi Ra Trường Trung Học của tiểu bang California (California High School Exit Examination, gọi tắt là CAHSEE) thì mới được cấp phát bằng trung học. Với những em bắt đầu niên khóa 2005-06 bằng lớp 12, thì bằng này ghi, theo thành phần học sinh, số phần trăm học sinh đạt tất cả mọi quy định về việc hoàn tất lớp 12 của tiểu bang và địa phương, kể cả việc đã thi đậu cả hai phần bài thi CAHSEE vừa nói ở trên trừ phi là các em này được địa phương hoặc tiểu bang bãi miễn. Vì lịch trình thu thập số liệu tốt nghiệp trung học của tiểu bang nên chúng tôi chưa có số liệu cấp tiểu bang trong báo cáo này để công bố trong niên khóa 2006-07. Thông tin chi tiết về thi CAHSEE được đăng trên trang web sau đây của Bộ Giáo Dục Tiểu Bang California: <http://www.cde.ca.gov/ta/tg/hs/>. Ghi chú: "KĐĐ" có nghĩa số thành phần học sinh này không đồng đúc là bao.

Thành phần học sinh	Lớp học sinh tốt nghiệp năm 2006		
	Trường	Học khu	Tiểu bang
Mọi học sinh trong trường	100%	98%	---
Người Mỹ gốc châu Phi	KĐĐ	98%	---
Thổ dân Mỹ hay thổ dân Alaska	KĐĐ	KĐĐ	---
Châu Á	100%	98%	---
Phi-líp-pin	100%	99%	---
Các em nói tiếng Tây Ban Nha	100%	96%	---
Các em người hải đảo Thái Bình Dương	KĐĐ	95%	---
Các em da trắng (không nói tiếng Tây Ban Nha)	100%	100%	---
Các em bị bất lợi về mặt kinh tế xã hội	100%	95%	---
Các em đang tra dồi Anh ngữ	100%	83%	---
Học sinh khuyết tật	100%	100%	---

### Các chương trình giáo dục nghề nghiệp & kỹ thuật

Phần dưới đây là thông tin về mức độ học sinh có sẵn sàng ra đời làm việc hay không. Chúng tôi cũng kể tên những chương trình giáo dục nghề nghiệp & kỹ thuật (Career Technical Education, gọi tắt là CTE) mà nhà trường cung ứng.

Kỹ thuật công nghệ được kết hợp vào phần lớn các môn học để việc học tập thêm phong phú và học sinh vừa có cơ hội tham dự những công trình mà giáo sư giao để đào sâu tính đa dạng của bài học, lại vừa trau dồi những kỹ năng cần thiết để cạnh tranh tìm công ăn việc làm trong xã hội đầy đặc kỹ thuật công nghệ ngày nay. Học sinh học và cải tiến kỹ năng điện toán qua rất nhiều cơ hội mà các em có trong lớp và trong các phòng điện toán tại trường. Nhà trường có sẵn những lớp kỹ thuật công nghệ và tiếp cận công việc như Chuyên Kỹ Thuật (Tech Core), Áp trình Điện toán (Computer Applications), Vừa Học Vừa Làm (Work Experience), Chương trình Hướng nghề trong khu vực, và những lớp do trường dạy nghề Central County Regional Occupation Center, gọi tắt là CCOC, cung ứng.

## Tham gia giáo dục nghề nghiệp & kỹ thuật

Bảng dưới đây là thông tin về tình trạng học sinh tham gia vào những chương trình giáo dục nghề nghiệp và kỹ thuật.

Mức ghi nhận	Sĩ số tham gia các chương trình giáo dục nghề nghiệp & kỹ thuật
Sĩ số học sinh	0
Số phần trăm các học sinh hoàn tất chương trình giáo dục nghề nghiệp & kỹ thuật và được cấp bằng tốt nghiệp trung học	0%
Số phần trăm các môn giáo dục nghề nghiệp & kỹ thuật được sắp xếp theo trình tự trung học hoặc đối tác với các học viện sau trung học/ trường đại học	0%

## Các môn học để vào University of California và/hoặc California State University

Bảng dưới đây là thông tin năm gần đây nhất về hai mức độ học sinh ghi danh vào những bộ môn mà các đại học UC và CSU đòi hỏi để có thể nhập học những trường này sau khi tốt nghiệp trung học. Xin quý vị xem trang web <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/> của Bộ Giáo Dục Tiểu Bang California để có thông tin chi tiết về việc học sinh ghi danh và phải hoàn tất những môn học do các đại học UC/CSU quy định thì mới được vào các đại học này sau khi tốt nghiệp trung học.

Mức ghi nhận	Số phần trăm
Số học sinh ghi danh vào những môn học mà các đại học UC/CSU đòi hỏi để được vào học các đại học này	79.8
Số học sinh tốt nghiệp đã học xong những môn học mà các đại học UC/CSU đòi hỏi để được vào học các đại học này	50.9

## Các môn AP (Advanced Placement Courses) —những môn học được đại học khuyến khích học sinh ghi danh và hoàn tất ngay trong thời gian ở trung học để được chấp nhận vào đại học

Bảng dưới đây là thông tin mới nhất về số những lớp AP mà nhà trường có (tính theo bộ môn) và số phần trăm học sinh trong trường đã ghi danh vào tất cả những lớp AP này. Trang web <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/> của Bộ Giáo Dục Tiểu Bang California có đăng thông tin chi tiết về những lớp AP này.

Môn học	Số lớp AP có ở trường	Số phần trăm học sinh học những lớp AP
Khoa học vi tính	1	---
Anh văn	1	---
Mỹ nghệ và nghệ thuật trình diễn	0	---
Ngoại ngữ	2	---
Toán	3	---
Khoa học	3	---
Khoa học xã hội	2	---
Tất cả các môn	12	6.4

## Chương trình chuẩn bị thi vào đại học

Sau đây là thông tin về chương trình chuẩn bị thi vào đại học có sẵn tại trường.

Trường trung học Evergreen Valley có chương trình chuẩn bị thi vào đại học mà các cơ quan tư và những cơ quan trong cộng đồng soạn thảo. Ngoài ra, ban hướng dẫn và các giáo sư nhà trường còn giúp học sinh chuẩn bị những bước cần thiết để thi vào đại học.
--

## Trắc nghiệm lý luận SAT (Trắc Nghiệm Khả Năng Có Thể Học Đại Học – College Scholastic Ability Test)

Bảng dưới là số phần trăm các học sinh lớp 12 của trường chúng ta đã tự nguyện thi trắc nghiệm lý luận SAT để xem xét khả năng vào đại học của mình, và điểm số vấn đáp, toán, luận văn của các em này. Trang web <http://www.cde.ca.gov/ds/sp/ai/> của Bộ Giáo Dục Tiểu Bang California có đăng thông tin chi tiết về kết quả thi SAT, và so sánh những điểm số trung bình này với cấp học khu và tiểu bang. *Ghi chú: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, trang web không đăng điểm số khi tổng số học sinh dự thi từ 10 em trở xuống.*

Mức ghi nhận	2004	2005	2006
Số phần trăm các học sinh lớp 12 thi SAT	Chưa có	64.0	62.6
Điểm vấn đáp trung bình	Chưa có	495	501
Điểm toán trung bình	Chưa có	536	542
Điểm luận văn trung bình	---	---	506

## X. Thiết kế và đặt lịch trình giảng dạy

### Giảng dạy và lãnh đạo nhà trường

Phần sau đây là thông tin về cấu trúc các chương trình giảng dạy tại trường và những điều mà thành phần lãnh đạo từng trải về việc trường.

Với mục đích liên tục cải tiến, giáo sư trường Evergreen Valley đã dành phần lớn thời gian tu nghiệp để làm cho mọi giáo trình, phương pháp giảng dạy và lượng giá luôn bám sát các tiêu chuẩn nội dung và hành sử của tiểu bang và phương hướng phấn đấu học tập toàn trường của Trường Trung Học Evergreen Valley; nhà trường cũng áp dụng *phương pháp vẽ lại căn nguyên từng sự kiện (backwards-mapping methodology)* và sử dụng phần cuối các buổi tu nghiệp để chia sẻ những bài học thành công nhất. Trong tinh thần luôn luôn cải tiến, nhân viên nhà trường chuyên tâm duyệt xét mọi giáo trình cùng các phương pháp giảng dạy và lượng giá để bảo đảm mọi sự đều thích đáng, hữu hiệu, và nghiêm túc.

Vì trường Evergreen Valley quyết tâm giúp đỡ mọi học sinh đạt những tiêu chuẩn đã đề ra, nên nhà trường thường xuyên thu thập số liệu về thành tích học tập của học sinh và thăm dò tất cả mọi người đảm trách công việc nhà trường để xác định xem những người này cần những gì, có hài lòng hay không, và họ có ý kiến gì về mọi công việc và chương trình hiện nay của trường. Dựa trên những dữ kiện thu thập được, nhóm đại diện những người đảm trách, bao gồm học sinh, giáo sư, phụ huynh, cộng đồng, và nhân viên sở xã hội thường xuyên xem xét nguyên nhân, hậu quả, và các mối tương quan giữa những điều mà các người đảm trách xem là cần thiết để nhà trường có thể thảo kế hoạch đáp ứng các nhu cầu tiềm ẩn của mọi học sinh. Căn cứ vào rất nhiều nguồn dữ kiện vừa nói, nhà trường đã điều chỉnh giáo trình và các kế hoạch giảng dạy để đáp ứng nhu cầu của mọi học sinh -ít ra, mà thực sự là còn hơn thế- để giúp đỡ các em có nguy cơ học hành sa sút, có những nhu cầu đặc biệt về học tập, sinh hoạt xã hội và cảm xúc riêng tư; giúp đỡ các em còn giới hạn về khả năng Anh ngữ và tập thể học sinh đa dạng về khả năng tiếng Anh và về mặt văn hóa; cung ứng những kế hoạch IEP chuyên về giáo dục cá nhân để giúp các học sinh có những nhu cầu đặc biệt; và giúp đỡ về các mặt y tế, y tế tâm thần, và xã hội cho các em có thu nhập thấp; và nâng cao chương trình GATE dành cho các em có thiên khiếu và tài năng.

Dưới sự lãnh đạo của những người năng động, tận tụy và siêng năng, Trường Trung Học Evergreen Vallley đã phát triển những phương án nâng cao thành quả học sinh, bao gồm việc:

- ◆ Gia tăng nhiều cơ hội cho các em học các chương trình Cao Cấp AP–Được Đại Học Chấp Thuận và Cử Vũ-
- ◆ Tiếp cận nhiều nguồn tiếp trợ hữu hiệu để giúp cho học sinh thành đạt,
- ◆ Mở rộng cộng tác với cộng đồng để thêm nguồn phục vụ cho học sinh,
- ◆ Áp dụng những chương trình gia tăng số lượng học sinh hội đủ điều kiện học tập sau trung học.

Ban quản trị nhà trường gồm có hiệu trưởng Tim McDonough, hiệu phó phát triển giáo dục Lynne Murray, và hiệu phó hành chánh Frances Palacios. Tuy nhiên, toàn thể nhân viên, học sinh, phụ huynh, và cộng đồng trường Evergreen Valley đều là những cộng tác viên quý giá lãnh

đạo và quyết định nhiều việc hệ trọng cho nhà trường. Vì Evergreen Valley là một cộng đồng chung vai gánh vác nên đã cống hiến cho gia đình học sinh, nhân viên nhà trường, học sinh, và cộng đồng nhiều con đường thênh thang để giúp cả trường đạt mọi thành công. Không những phụ huynh và các đại diện cộng đồng làm việc trong Hội Đồng Nhà Trường, mà còn đại diện cho trường Evergreen Valley trong Ban Cố Vấn Học Khu, Ban Cố Vấn Các Học Sinh Phải Trau Dồi Anh ngữ của Học Khu, Ban An Toàn Học Khu, và Ban Duyệt Xét Trái Khoán của Học Khu. Ngoài ra, mọi thành phần lãnh đạo trường Evergreen Valley còn hoan nghênh tất cả những ý kiến và phương án đa dạng mà quý vị trách nhiệm đóng góp.

Để bảo đảm cho việc cải tiến được phát triển liên tục, Evergreen Valley áp dụng chu trình hội ý dựa trên số liệu ảnh hưởng đến ngân quỹ, giáo trình, công tác giảng dạy, lượng giá, thành quả của học sinh và thực thi việc giảng dạy dựa trên số liệu bằng cách cống hiến cho tất cả các giáo sư mọi số liệu cần thiết. Học khu chuyên sử dụng hệ điều hành số liệu có tên là "Cruncher" (Hệ Máy Tính Siêu Đẳng). Rất dễ truy cập và sử dụng giản dị, Hệ Máy Tính Siêu Đẳng giúp giáo sư xem xét các dữ kiện học tập của học sinh và so sánh với các dữ kiện toàn trường, học khu, tiểu bang và liên bang để biết rõ học sinh học hành đến đâu và hướng việc giảng dạy vào bản thân từng em, giảng dạy với những mức khác biệt đi sát với những nhu cầu đã được lượng giá ở học sinh và đo lường mức giảng dạy hiệu quả của bản thân mình. Hệ Máy Tính Siêu Đẳng cũng cho các quản trị viên lượng giá xem giáo trình có hữu hiệu không và lập ngay những chương trình can thiệp nếu giáo trình không hữu hiệu. Ngoài ra, các thông tin của Hệ Máy Tính Siêu Đẳng về những kỳ thi dựa trên tiêu chuẩn như STAR, SAT, CAHSEE, ACT, CELDT, AP, v.v..., về số liệu những học sinh bỏ học, số liệu các em vào và học tập thành công ở đại học, về công tác lượng giá của học khu (như với cơ quan lượng giá Northwest (Northwest Evaluation Association – gọi tắt là NWEA), về các mẫu luận văn, số lượng học sinh bị tạm đuổi học, bị chuyển tiếp cho các dịch vụ khác, và số liệu về tình trạng học sinh có mặt tại trường, các mẫu bài làm của học sinh, số liệu lượng giá xác thực các bài học sinh nộp cho giáo sư để thực hiện công trình, bày tỏ ý kiến, kiến tạo, dự phóng, và lưu vào sổ công tác, số liệu về phẩm chất để bảo đảm mọi người và cơ quan đảm trách công việc nhà trường đều hài lòng, quan sát học sinh học tập ra sao, và lượng giá năng lực kỹ thuật công nghệ của học sinh đều được dùng để đo mức độ đạt tiêu chuẩn của mọi học sinh.

## Tu nghiệp

Phần sau đây là thông tin về chương trình huấn luyện giáo sư và các nhân viên chuyên nghiệp khác của nhà trường.

Nhân viên trường Evergreen Valley có rất nhiều cơ hội kiên trì và cụ thể tu nghiệp trong nhiều lãnh vực dựa trên những tiêu chuẩn của tiểu bang và những gì mà nhà trường xem là có giá trị nòng cốt. Evergreen Valley có một kế hoạch tu nghiệp nhất quán và toàn diện dựa trên số liệu thu thập được và trực tiếp nối kết với việc giảng dạy và học tập. Các giáo sư và nhân viên nhà trường không những tu nghiệp ở trường mà còn tham dự nhiều buổi tu nghiệp ở học khu nữa. Ngoài ra, nhiều thầy, cô giáo còn ghi danh học phát triển chuyên ngành ở các đại học địa phương và tham dự những buổi hội thảo do Phòng Giáo Dục Hạt Santa Clara tổ chức. Các giáo sư mới vào nghề được sự giúp đỡ tích cực của Chương Trình Yểm Trợ và Lượng Giá Giáo Sư Mới (Beginning Teacher Support and Assessment – gọi tắt là BTSA), của các đồng nghiệp, và của các buổi họp hướng dẫn họ. Trường đã thiết lập một mẫu mực tu nghiệp và áp dụng thành công cho những buổi phát triển chuyên nghiệp. Các buổi họp toàn trường và họp ban được tổ chức thường xuyên để giáo sư có thể tiếp tục phát triển chuyên môn nhằm đẩy mạnh nỗ lực toàn trường sao cho giáo trình luôn bám sát các tiêu chuẩn bộ môn khắt khe của tiểu bang và đồng thời cũng giúp cho mọi học sinh thông thạo việc giao tiếp bằng ngôn ngữ để sống hài hòa với những người khác mình và học hành thành đạt.

Để bảo đảm mức tiến bộ liên tục, việc tu nghiệp được cá nhân hóa để đáp ứng những nhu cầu của tất cả các giáo sư bộ môn, nhân viên, và quản trị viên. Đối với các giáo sư, không những sinh hoạt tu nghiệp phản ánh lẽ lối tốt đẹp nhất mà còn giúp mỗi người bám sát các tiêu chuẩn giảng dạy trong nghề giáo dục ở tiểu bang California. Các thầy, cô giáo và nhân viên nhà trường tu nghiệp những địa hạt song hành với chuyên môn giảng dạy của mình và với các phương án của học khu theo nhiều mức khác nhau. Ở mức nhà trường, tu nghiệp được cấu trúc theo trọng tâm tổng quát (chẳng hạn như phương pháp giảng dạy theo các tiêu chuẩn), và những khía cạnh chuyên biệt trong chương trình tu nghiệp (ví dụ các phương pháp giảng dạy cá biệt) được cá nhân hóa để bám sát những động cơ và nhu cầu bộ môn cá biệt. Thí dụ, về Anh văn, giáo sư

xem xét bài làm của học sinh để biết chắc xem đường lối giảng dạy của mình có đáp ứng hiệu quả các tiêu chuẩn đề ra hay không, trong khi về thể dục thì giáo sư lại duyệt xét các số liệu *FitnessGram (biểu đồ thể lực)* để thiết lập những phương pháp giảng dạy hữu hiệu về mặt giáo dục thể chất. Học khu cũng tổ chức rất nhiều dịp tu nghiệp để mở mang kiến thức giáo sư, mài sắc những kỹ năng điều khiển lớp học, khiến cho kho tàng tay nghề giáo dục của các thầy, cô ngày càng thêm độc đáo.

**Những tiêu chuẩn sau đây được sử dụng để bảo đảm là việc tu nghiệp được hữu hiệu (đây là các Tiêu Chuẩn rút từ Chương Trình của Ủy Ban Phát Triển Toàn Quốc Hoa Kỳ - National Staff Development Council Program Standards)**

1. Lấy sự thành đạt của học sinh mà đo lường kết quả
2. Chương trình tu nghiệp phải thực rõ rệt (nhất quán và nổi bật trọng tâm)
3. Giáo sư chú trọng vào mức hiểu rõ bài và chuyển giao những điều mới mẻ mà mình học được vào hoàn cảnh giảng dạy trong lớp
4. Chương trình tu nghiệp nối kết với nhiều học khu

**Tuyên bố về đường lối tu nghiệp của Trường Trung Học Evergreen Valley (rút từ Thiết Kế Tu Nghiệp Học Tập của Tiểu Bang California (California’s Professional Development Designs for Learning))**

1. Gia tăng sự đổi mới và tạo lối tư duy Bảo Đảm Quyền Lợi Công Bằng trong mọi chương trình và dịch vụ và Quyền Lợi Công Bằng trong nền giáo dục có phẩm chất cho mọi học sinh, kể cả những học sinh thuộc dạng trau dồi Anh ngữ, các học sinh thuộc dạng đặc biệt, các học sinh At-Risk (có nguy cơ học hành sa sút), và các học sinh xuất thân từ những quá trình khác nhau.
2. Bảo đảm phẩm chất giảng dạy cao bằng cách thực hiện chương trình thăm dò thường trực và xem xét lề lối giảng dạy dựa trên nghiên cứu, phân tích cách thức học tập và bài làm của học sinh, xem xét xem các bộ môn có được giảng dạy sát các tiêu chuẩn đề ra hay không, và phát triển các bằng tiêu chuẩn, phương sách làm việc và lượng giá năng lực làm việc theo bộ môn.
3. Gia tăng việc nghiên cứu liên tục và nghiêm túc về cách giảng dạy tốt qua những buổi tu nghiệp.
4. Gia tăng khả năng lãnh đạo của các hiệu trưởng/hiệu phó, giáo sư, phó chuyên gia, và nhân viên tạp vụ nhà trường.
5. Phát triển tu nghiệp cao cấp cho các giáo sư và quản trị viên qua việc liên tục phản ánh những lề lối giảng dạy căn cứ trên Các Tiêu Chuẩn Giảng Dạy Trong Nghề Giáo Dục Ở Tiểu Bang California.

**Số phút giảng dạy**

Bảng dưới đây ghi số phút giảng dạy của trường so với qui định tiểu bang theo từng lớp học.

Lớp	Số phút giảng dạy	
	của trường	theo quy định của tiểu bang
Vườn trẻ		36,000
1		50,400
2		50,400
3		50,400
4		54,000
5		54,000
6		54,000
7		54,000
8		54,000
9	68,410	64,800
10	68,410	64,800
11	68,410	64,800
12	68,410	64,800

## **Những ngày ngắn nhất trong năm học**

Sau đây là thông tin về số những ngày học ngắn nhất trong năm học gần đây nhất và lý do tại sao những ngày ấy lại ngắn nhất.

Học sinh đi học 180 ngày trong niên khóa 2005-06. Có 37 ngày ngắn để thi học kỳ (final exams), tu nghiệp, thi, hay là thời khóa biểu sát ngày lễ.